|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS AN KHÁNH**  **TỔ TỰ NHIÊN**  **--------------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**MÔN HỌC: TOÁN LỚP 7 HỌC KỲ II. SỐ HỌC SINH:**

**(NĂM HỌC 2020-2021)**

**Chủ trì: Giáo viên dạy toán khối 7**

**Đối tượng: Học sinh khối 7**

**Địa điểm: Lớp học. Giờ thực hành thì ngoài sân trường**

1. **PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐẠI SỐ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Bài dạy** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 40 | Chương III. §1. Thu nhập thống kê, tần số | 1 | Học sinh hiểu bảng thống kê ban đầu, biết thế nào là dấu hiệu, đơn vị điều tra, giá trị của dấu hiệu, tần số của giá trị. |
| 41 | Luyện tập | 1 | Học sinh rèn luyện cách tìm dấu hiệu , giá trị của dấu hiệu, số các đơn vị điều tra từ bảng thống kê ban đầu. |
| 42 | §2.Bảng tần số các giá trị của dấu hiệu | 1 | Học sinh hiểu bảng tần số và ý nghĩa của bảng tần số, biết cách nhận xét.  Biết cách lập bảng tần số ( ngang và dọc) |
| 43 | Luyện tập | 1 | Học sinh được rèn kỹ năng lập bảng tần số và nhận xét. |
| 44 | §3.Biểu đồ | 1 | Học sinh nắm chắc cách lập biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình chữ nhật. hiểu được ý nghĩa của biểu đồ về giá trị của dấu hiệu và tần số tương ứng. |
| 45 | Luyện tập | 1 | Học sinh rèn kỹ năng vẽ biểu đồ đoạn thẳng. |
| 46 | §4.Số trung bình cộng | 1 | Học sinh biết tính số trung bình cộng và ý nghĩa của nó. Biết tìm mốt của dấu hiệu là gì. Thấy được ý nghĩa thực tế của mốt.  Biết sử dụng số trung bình cộng để làm đại diện cho một dấu hiệu.  Học sinh vận dụng được lý thuyết vào bài tập thực tế. |
| 47 | Luyện tập | 1 | Học sinh rèn kỹ năng tính số trung bình cộng và nhận xét, tìm mốt của dấu hiệu, so sánh các dấu hiệu cùng loại. |
| 48 | Ôn tập chương III với sự hỗ trợ của MT | 1 | Học sinh hiểu rõ thống kê, bước đầu hiểu ý nghĩa của thống kê trong cuộc sống hàng ngày.  Làm các bài toán thống kê về một số vấn đề thực tế trong xã hội |
| 49  50 | Chương IV.  Khái niệm về biểu thức đại số  Giá trị của một biểu thức đại số  *Cả hai bài ghép và cấu trúc thành 01 bài “****Khái niệm về biểu thức đại số. Giá trị của một biểu thức đại số”***   1. *Nhắc lại về biểu thức* 2. *Khái niệm về biểu thức đại số*   *Giá trị của một biểu thức đại số* | 2 | Học sinh nắm chắc khái niệm biểu thức đại số, giá trị của biểu thức đại số .  Học sinh tính được giá trị của biểu thức đại số bất kỳ tại các giá trị đã cho của biến. Biết cách trình bày bài toán tính giá trị của biểu thức. |
| 51  52 | §3. Đơn thức  §4.Đơn thức đồng dạng | 2 | Học sinh hiểu thế nào là đơn thức, các thành phần trong đơn thức như hệ số, biến, phần biến, bậc của đơn thức, cách nhân hai đơn thức.Biết viết một đơn thức thành đơn thức thu gọn.  Hiểu thế nào là đơn thức đồng dạng.  Biết cộng, trừ các đơn thức đồng dạng.  Biết cách chứng tỏ một biểu thức là đơn thức, chứng tỏ hai đơn thức có đồng dạng hay không.Biết tìm đơn thức đồng dạng với đơn thức đã cho |
| 53 | Luyện tập | 1 | Học sinh rèn kỹ năng tìm hệ số, biến, phần biến, bậc của đơn thức, tìm tích các đơn thức. Rèn kỹ năng Cộng, trừ các đơn thức đồng dạng, nhân các đơn thức. |
| 54, 55 | **Kiểm tra giữa kì học kỳ II**  **( Cả số học và hình học)** | 2 | Kiểm tra việc tiếp thu kiến thức của học sinh từ đầu học kỳ 2  - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài thực hiện phép tính trên đơn thức, đa thức, bài tập thống kê.  - Vận dụng kiến thức về hai tam giác bằng nhau vào bài tập chứng minh.  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. |
| 56 | §5.Đa thức | 1 | Học sinh biết thế nào là đa thức, biết thu gọn đa thức, tìm bậc của đa thức. |
| 57 | §6.Cộng trừ đa thức | 1 | Học sinh biết cách cộng , trừ đa thức |
| 58 | Luyện tập | 1 | Học sinh rèn luyện kỹ năng cộng , trừ đa thức |
|  | **Chủ đề: Đa thức một biến**  **(Tiết 59 – 64)** |  |  |
| 59 | **§7. Đa thức một biến** | 1 | Học sinh hiểu thế nào là đa thức một biến, biết cách sắp xếp đa thức một biến theo lũy thừa tăng dần, giảm dần của biến, biết xác định hệ số của đa thức, hệ số cao nhất, hệ số tự do của đa thức,bậc của đa thức một biến. |
| 60 | **Cộng và trừ đa thức một biến** | 1 | Học sinh nắm chắc qui tắc cộng, trừ đa thức một biến ( ngang và dọc) |
| 61 | **Luyện tập** | 1 | Rèn kỹ năng cộng trừ đa thức một biến . |
| 62  63  64 | **§9.Nghiệm của đa thức một biến Luyện tập** | 3 | Học sinh hiểu thế nào là nghiệm của đa thức một biến, biết cách tìm nghiệm của đa thức một biến.  Rèn kỹ năng tìm nghiệm của đa thức một biến, kỹ năng kiểm tra giá trị có là nghiệm của đa thức một biến không .  Thực hiện thành thạo bài toán tìm nghiệm của đa thức. |
| 65  66 | Ôn tập chương IV với sự giúp đỡ của MT | 2 | Học sinh ôn tập toàn bộ kiến thức chương 4. Thực hiện thành thạo các bài tập về đơn thức, đa thức.  Học sinh sử dụng được lý thuyết để làm bài tập |
| 67 | Ôn tập cuối kỳ | 1 | Học sinh ôn tập toàn bộ kiến thức học kỳ 2 ( Thống kê, đa thức) |
| 68  69 | **Kiểm tra cuối học kỳ II**  (Cả số học và hình học) | 2 | - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài toán liên quan tới thống kê,đơn thức, đa thức .  - Làm bài tập liên quan tới các đường đồng qui trong tam giác  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. |
| 70  71 | Ôn tập cuối năm | 2 | Học sinh được ôn tập toàn bộ các kiến thức về phân số, tỉ lệ thức, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau, bài toán tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, hàm số y=ax, Thống kê , đơn thức, đa thức.  Vận dụng thành thạo lý thuyết vào bài tập. |
| 72 | Trả bài kiểm tra học kỳ II  ( phần đại số ) | 1 | Đánh giá bài làm của học sinh, đánh giá kiến thức của từng học sinh, học sinh hiểu được trình độ của mình từ đó đưa ra hướng học tập trong những năm học tiếp theo. |

1. **PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN HÌNH HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Bài dạy** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 34 | §6. Tam giác cân | **1** | Học sinh biết thế nào là tam giác cân, tính chất của tam giác cân. Hiểu rõ thế nào là tam giác đều và tính chất của tam giác đều. |
| 35 | Luyện tập | **1** | Học sinh biết cách chứng tỏ một tam giác là tam giác cân, tam giác đều. Tính được số đo các góc của một tam giác cân khi biết một góc bất kỳ. |
| 36 | §7.Định lý Py-ta-go  ?2 *Khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh hiểu rõ định lý Pi ta go . Biết chứng minh một tam giác vuông dựa vào định lý pi ta go đảo.Biết áp dụng định lý để tìm độ dài các cạnh của tam giác vuông khi biết trước hai cạnh. |
| 37  38 | Luyện tập | **2** | Học sinh vận dụng được định lý Pi ta go vào bài tập tính toán độ dài các cạnh của tam giác vuông.  Rèn kỹ năng chứng minh một tam giác vuông dựa vào định lý Pi ta go đảo. |
| 39 | §8.Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông | **1** | Học sinh nắm được các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông.  Biết tìm ra các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông dựa vào các trường hợp bằng nhau của hai tam giác thường |
| 40 | Luyện tập | **1** | Vận dụng các trường hợp bằng nhau của hai tam giác để chứng minh hai tam giác bằng nhau. |
| 41  42 | Thực hành ngoài trời | **2** | Học sinh được thực hành đo khoảng cách giữa hai điểm A và B mà một điểm không tới được. |
| 43  44 | Ôn tập chương II với sự trợ giúp của MT CASIO hoặc MT với tính năng tương đương | **2** | Học sinh ôn tập toàn bộ kiến thức chương 2  Học sinh vận dụng được lý thuyết vào bài tập |
| 45 | Chương III §1. Quan hệ giữa góc và cạnh….  *Bài tập 7 Khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh hiểu trong tam giác ,thế nào là góc đối diện của cạnh, cạnh đối diện của góc.  So sánh được hai góc nếu biết quan hệ giữa hai cạnh đối diện và ngược lại |
| 46 | Luyện tập | **1** | Rèn luyện kỹ năng so sánh hai góc, hai cạnh trong một tam giác |
| 47 | §2. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường….  *Bài tập 11+14 Khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh hiểu thế nào là đường vuông góc, đường xiên, hình chiếu của đường xiên, chân đường vuông góc hay hình chiếu vuông góc của một điểm.Học sinh biết vẽ hình và nhận ra các khái niệm này.  Nắm chắc các định lý về mối quan hệ giữa đường vuông góc với đường xiên, đường xiên và hình chiếu. |
| 48 | Luyện tập | **1** | Vận dụng các định lý về mối liên hệ giữa đường xiên, hình chiếu, đường vuông góc để so sánh các đường xiên, các hình chiếu hay đường vuông góc và đường xiên. Biết chuyển một bài toán cụ thể thành phát biểu của định lý 2. |
| 49 | §3. Quan hệ giữa 3 cạnh của tam giác, BĐTTG  *Bài tập 17+20 Khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh nắm vững quan hệ giữa dộ dài các cạnh của một tam giác, hiểu rõ bất đẳng thức tam giác. |
| 50 | Luyện tập | **1** | Rèn kỹ năng vận dụng tính chất về quan hệ giữa cạnh và góc trong tam giác, về đường vuông góc với đường xiên để tìm độ dài một cạnh của tam giác nếu biết hai cạnh còn lại, biết cách chứng tỏ bộ ba độ dài bất kỳ có thể là ba cạnh của một tam giác không. |
| 51 | §4.Tính chất 3 đường trung tuyến của tam giác  *Bài tập 25+30 Khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh hiểu thế nào là đường trung tuyến của tam giác, Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác là gì và trọng tâm của tam giác là gì.  Luyện kỹ năng vẽ đường trung tuyến của tam giác |
| 52 | Luyện tập | **1** | Học sinh giải quyết được các bài tập trong SGK. Biết tính chất đường trung tuyến ứng với cạnh huyền trong tam giác vuông, tính chất hai đường trung tuyến ứng với hai cạnh bên của tam giác cân  Luyện kỹ năng sử dụng định lý về tính chất ba đường trung tuyến của tam giác để giải bài tập. |
| 53 | §5. Tính chất tia phân giác của một góc | **1** | Học sinh nắm chắc tính chất tia phân giác của một góc, tính chất các điểm thuộc tia phân giác của góc. Biết cách chứng minh một điểm có thuộc tia phân giác của góc không?  Biết cách vẽ tia phân giác của góc |
| 54 | Luyện tập | **1** | Sử dụng tính chất tia phân giác của góc để giải quyết các bài toán trong SKG, SBT. |
| 55 | §6. Tính chất 3đường phân giác của tam giác | **1** | Học sinh hiểu thế nào là đường phân giác của tam giác, hiểu rõ định lý về tính chất ba đường phân giác trong tam giác. |
| 56 | Luyện tập | **1** | Sử dụng tính chất ba đường phân giác của tam giác để giải quyết các bài tập trong SGK, SBT. |
| 57 | §7.Tính chất đường trung trực của 1 đoạn thẳng | **1** | Học sinh hiểu rõ hai định lý về tính chất các điểm thuộc đường trung trực của đoạn thẳng.  Biết vẽ đường trung trực của đoạn thẳng. |
| 58 | Luyện tập | **1** | Sử dụng tính chất đường trung trực của đoạn thẳng để giải các bài tập trong SGK, SBT. |
| 59 | §8. Tính chất 3 đường trung trực của tam giác  *Bài tập 56 Khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh hiểu thế nào là đường trung trực của tam giác, hiểu rõ định lý về tính chất ba đường trung trực trong tam giác.  Biết vẽ ba đường trung trực của tam giác bằng thước kẻ và com pa  Biết khái niệm đường tròn ngoại tiếp tam giác. |
| 60 | Luyện tập | **1** | Sử dụng tính chất ba đường trung trực của tam giác để giải quyết các bài tập trong SGK, SBT. |
| 61 | §9. Tính chất 3 đường cao của tam giác | **1** | Học sinh hiểu thế nào là đường cao của tam giác, hiểu rõ định lý về tính chất ba đường cao trong tam giác.Biết trực tâm của tam giác là gì.  Biết cách vẽ đường cao của tam giác bằng e ke. |
| 62 | Luyện tập | **1** | Sử dụng tính chất ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập trong SGK, SBT.  Luyện cách dùng e ke để vẽ đường cao của tam giác. |
| 63  64 | Ôn tập chương III  *Bài tập 67;69;70 Khuyến khích học sinh tự làm* | **2** | Học sinh hệ thống lại toàn bộ lý thuyết chương 3  Sử dụng được lý thuyết vào làm bài tập  Củng cố thêm các cách chứng minh một tam giác là tam giác cân.  Vận dụng các kiến thức đã học để giải toán và giải quyết một số tình huống thực tế. |
| 65  66  67 | Ôn tập cuối năm  *Bài tập 9;11 Khuyến khích học sinh tự làm*  *Bài tập 10 không yêu cầu* | **3** | Học sinh hệ thống toàn bộ kiến thức hình học lớp 7  Sử dụng lý thuyết để làm các bài tập: góc, đường thẳng song song, đường thẳng vuông góc,tam giác bằng nhau, các trường hợp bằng nhau của tam giác, các đường đồng qui trong tam giác |
| 68 | Trả bài kiểm tra học kỳ II ( phần hình học ) | **1** | Đánh giá bài làm của học sinh, đánh giá kiến thức của từng học sinh, học sinh hiểu được trình độ của mình từ đó đưa ra hướng học tập trong những năm học tiếp theo. |

**III. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì II | 90 phút | Tuần 26  Tháng 3/2021 | - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài thực hiện phép tính trên đơn thức, đa thức, bài tập thống kê.  - Vận dụng kiến thức về hai tam giác bằng nhau vào bài tập chứng minh.  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. | Trắc nghiệm và Tự luận viết trên giấy |
| Cuối học kì II | 90 phút | Tuẩn 34  Tháng 4/2021 | - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài toán liên quan tới thống kê,đơn thức, đa thức .  - Làm bài tập liên quan tới các đường đồng qui trong tam giác  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. | Trắc nghiệm và Tự luận viết trên giấy |

***An Khánh, ngày 12 tháng 1 năm 2021***

**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**